* + 1. Mô hình hóa yêu cầu
       1. Lược đồ Use-Case



Lược đồ tổng quan Use case

* + - 1. Đặc tả Use-Case
         1. Mô tả Use-Case “Đăng ký”

Bảng mô tả Use-Case “Đăng ký”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Dang ky |
| Mô tả | Cho phép người dùng đăng ký tài khoản để đăng nhập vào hệ thống. |
| Actor | Khách vãng lai |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng đăng ký từ trang chủ của hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Không có |
| Hậu điều kiện | Đăng ký thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình đăng ký.  2. Người dùng nhập thông tin đăng ký.  3. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng ký.  4. Nếu thông tin đăng ký hợp lệ, hệ thống thông báo đăng ký thành công và chuyển hướng đến trang đăng nhập.  5. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ | A – Username đã tồn tại  1. Hệ thống hiển thị thông báo đăng ký thất bại.  2. Quay lại bước 2 trong luồng sự kiện chính. |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Đăng nhập”

Bảng mô tả Use-Case “Đăng nhập”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Dang nhap |
| Mô tả | Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống để thực hiện các chức năng tương ứng với quyền hạn của mình. |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng đăng nhập từ trang chủ của hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Đã có tài khoản tương ứng trong hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Đăng nhập thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập.  2. Người dùng nhập thông tin đăng nhập.  3. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập.  4. Nếu thông tin đăng nhập không hợp lệ, hệ thống thông báo đăng nhập thất bại.  5. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Đăng xuất”

Bảng mô tả Use-Case “Đăng xuất”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Dang xuat |
| Mô tả | Cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống. |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn đăng xuất từ menu cá nhân tại ảnh đại diện. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Đăng xuất thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng click đăng xuất  2. Hệ thống xóa thông tin phiên đăng nhập của người dùng khỏi hệ thống.  3. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xem danh sách bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Xem danh sách bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xem danh sach bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng xem danh sách các bài viết có trong hệ thống. |
| Actor | Khách vãng lai, Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng truy cập thành công vào trang chủ của hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Không có. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị danh sách các bài viết. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các bài viết tương ứng với các danh mục.  2. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xem chi tiết bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Xem chi tiết bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xem chi tiet bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng xem nội dung của bài viết và các thông tin liên quan của bài viết. |
| Actor | Khách vãng lai, Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn xem một bài viết. |
| Tiền điều kiện | Không có |
| Hậu điều kiện | Hiển thị nội dung chi tiết bài viết |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị nội dung bài viết cùng các thông tin liên quan.  2. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xem bình luận bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Xem bình luận bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xem binh luan bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng xem bình luận của mọi người đối với bài viết. |
| Actor | Khách vãng lai, Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn xem một bài viết. |
| Tiền điều kiện | Người dùng bấm vào xem bài viết. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị danh sách các bình luận của bài viết được chọn. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị nội dung bài viết.  2. Người dùng cuộn xuống cuối bài viết để xem bình luận.  3. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xem đánh giá bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Xem đánh giá bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xem danh gia bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng xem đánh giá của mọi người đối với bài viết. |
| Actor | Khách vãng lai, Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn xem một bài viết. |
| Tiền điều kiện | Người dùng bấm vào xem bài viết. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị số điểm được đánh giá của bài viết. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị nội dung bài viết.  2. Người dùng xem thông tin bài viết tại phần tiêu đề và thông tin bài viết.  3. Kết thúc Use-Case |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Đánh giá bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Đánh giá bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Danh gia bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng đánh giá bài viết, cùng với các đánh giá từ nhiều người dùng khác giúp đánh giá được chất lượng bài viết. |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn xem một bài viết. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Người dùng bấm vào xem bài viết. |
| Hậu điều kiện | Người dùng gửi thành công đánh giá của mình cho bài viết được chọn. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị nội dung bài viết.  2. Người dùng click “lên” để cộng 1 điểm, click “xuống” để trừ 1 điểm”.  3. Hệ thống thay đổi trạng thái đánh giá của người dùng đối với bài viết và tổng số điểm của bài viết.  4. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ | A – Người dùng đã đánh giá trước đó và muốn đánh giá lại  1. Người dùng click lại vào trạng thái đã đánh giá trước đó để hủy.  2. Quay lại bược 2 trong luồng sự kiện chính. |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Bình luận bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Bình luận bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Binh luan bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng để lại bình luận đánh giá bài viết hoặc cùng nhau thảo luận về chủ để bài viết cùng với các người dùng khác. |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn bình luận vào bài viết. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Người dùng chọn xem bài viết và để lại bình luận. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị bình luận vừa gửi lên danh sách bình luận của bài viết. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị nội dung bài viết, các bình luận trước đó và nơi nhập bình luận mới.  2. Người dùng nhập nội dung bình luận.  3. Người dùng click gửi bình luận.  4. Hệ thống hiển thị bình luận mới lên danh sách bình luận.  5. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Báo cáo bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Báo cáo bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Bao cao bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng báo cáo một bài viết nếu cảm thấy bài viết không hợp lệ hay có các nội dung nhạy cảm, sai lệch văn hóa, nội dung, … |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn xem nội dung bài viết và chọn chức năng báo cáo bài viết. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Người dùng chọn xem nội dung bài viết. |
| Hậu điều kiện | Người dùng gửi thành công báo cáo bài viết đến hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin nội dung báo cáo.  2. Người dùng nhập nội dung báo cáo.  3. Người dùng chọn gửi báo cáo.  4. Hệ thống lưu thông tin báo cáo về bài viết của người dùng.  5. Hệ thống đóng màn hình báo cáo bài viết và quay về màn hình nội dung bài viết.  6. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ | A – Người dùng hủy bỏ thao tác báo cáo  1. Người dùng click chọn hủy bỏ.  2. Quay lại bước 5 trong luồng sự kiện chính. |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Đăng bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Đăng bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Dang bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng đăng bài viết để chia sẻ đến mọi người. |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng đăng bài viết trong hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Chọn chức năng đăng bài viết. |
| Hậu điều kiện | Bài viết được đăng tải lên hệ thống và hiển thị ở trang chủ hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình đăng bài viết.  2. Người dùng nhập và tải lên các các thông tin, nội dung về bài viết.  3. Người dùng click chọn đăng bài viết.  4. Hệ thống thông báo đăng bài viết thành công.  5. Hệ thống hiển thị màn hình đăng bài viết để người dùng tiếp tục đăng bài viết khác nếu muốn. (Quay lại bước 1)  6. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ | A – Người dùng hủy bỏ thao tác đăng bài viết  1. Người dùng click vào logo hệ thống để quay lại màn hình trang chủ hệ thống.  2. Quay lại bước 6 trong luồng sự kiện chính. |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Chỉnh sửa bài viết sở hữu”

Bảng mô tả Use-Case “Chỉnh sửa bài viết sở hữu”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Chinh sua bai viet so huu |
| Mô tả | Cho phép người dùng chỉnh sửa nội dung bài viết bản thân đã đăng trước đó. |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng chỉnh sửa bài viết từ màn hình nôi dung bài viết của bài viết bản thân đã đăng trước đó. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Bài viết phải thuộc sở hữu của người dùng. |
| Hậu điều kiện | Nội dung bài viết được thay đổi và cập nhật lên hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình thông tin, nội dung cũ của bài viết.  2. Người dùng nhập thông tin mới.  3. Người dùng click chọn cập nhật bài viết.  4. Hệ thống thông báo thành công.  5. Hệ thống đóng màn hình chỉnh sửa bài viết và quay về màn hình nội dung bài viết trước đó.  6. Nội dung bài viết được cập nhật lên hệ thống.  7. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ | A – Người dùng hủy bỏ thao tác cập nhật bài viết.  1. Người dùng click vào logo hệ thống để quay lại màn hình trang chủ hệ thống.  2. Quay lại bước 7 trong luồng sự kiện chính. |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xóa bài viết sở hữu”

Bảng mô tả Use-Case “Xóa bài viết sở hữu”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xoa bai viet so huu |
| Mô tả | Cho phép người dùng xóa bài viết bản thân đã đăng trước đó. |
| Actor | Người dùng cơ bản, Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng xóa bài viết từ trang nội dung bài viết được chọn. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Bài viết phải thuộc sở hữu của người dùng. |
| Hậu điều kiện | Bài viết bị xóa khỏi hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị nút xóa bài viết trong phần thông tin bài viết tại trang nội dung bài viết.  2. Người dùng click chọn xóa bài viết.  3. Hệ thống thông báo thành công và bài viết bị xóa khỏi hệ thống.  4. Hệ thống quay lại màn hình nội dung bài viết trước đó.  5. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xem danh sách báo cáo bài viết”

Bảng mô tả Use-Case “Xem danh sách báo cáo bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xem danh sach bao cao bai viet |
| Mô tả | Cho phép người dùng xem các báo cáo về các bài viết của người dùng trong hệ thống từ đó giúp phát hiện các bài viết không hợp lệ, vi phạm để đưa ra quyết định xóa bài. |
| Actor | Người kiểm duyệt, Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chức năng xem danh sách báo cáo bài viết trong hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị danh sách các báo cáo về các bài viết sắp xếp theo thời gian gần nhất. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các báo cáo về các bài viết.  2. Người dùng chọn xem các báo cáo khác của cùng bài viết.  3. Hệ thống hiển thị tất cả các báo cáo của cùng bài viết được chọn.  4. Kết thúc Use-Case |
| Luồng sự kiện phụ | A – Người dùng chọn: dẫn tới nội dung bài viết  1. Hệ thống hiển thị trang nội dung của bài viết được chọn cùng các thông tin liên quan.  2. Quay lại bước 4 trong luồng sự kiện chính. |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xóa bài viết của người dùng khác”

Bảng mô tả Use-Case “Vô hiệu hóa bài viết của người dùng khác”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xoa bai viet cua nguoi dung khac |
| Mô tả | Cho phép người dùng xóa bài viết trong hệ thống. |
| Actor | Người kiểm duyệt, Quản trị viên. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chức năng xóa bài viết từ trang nội dung bài viết của bài viết được chọn. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Bài viết bị xóa khỏi hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị nút xóa bài viết trong phần thông tin bài viết tại trang nội dung bài viết.  2. Người dùng click chọn xóa bài viết.  3. Hệ thống thông báo thành công và bài viết bị xóa khỏi hệ thống.  4. Hệ thống quay lại màn hình nội dung bài viết trước đó.  5. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Thêm tài khoản người kiểm duyệt”

Bảng mô tả Use-Case “Thêm tài khoản moderator”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Them tai khoan nguoi kiem duyet |
| Mô tả | Cho phép người dùng thêm tài khoản Người kiểm duyệt vào hệ thống. |
| Actor | Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chức năng thêm Người kiểm duyệt trong trang quản lý Người kiểm duyệt. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Tài khoản người kiểm duyệt được thêm vào hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin cho tài khoản Người kiểm duyệt mới.  2. Người dùng nhập thông tin tài khoản.  3. Người dùng click xác nhận tạo tài khoản Người kiểm duyệt mới.  3. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng ký.  4. Nếu thông tin đăng ký hợp lệ, hệ thống thông báo thành công.  5. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ | A – Username đã tồn tại  1. Hệ thống hiển thị thông báo tạo thất bại.  2. Quay lại bước 2 trong luồng sự kiện chính. |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Xem danh sách tài khoản người kiểm duyệt”

Bảng mô tả Use-Case “Xem danh sách tài khoản moderator”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Xem danh sach tai khoan nguoi kiem duyet |
| Mô tả | Cho phép người dùng xem danh sách các tài khoản Người kiểm duyệt có trong hệ thống để thực hiện các thao tác quản lý khác. |
| Actor | Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chức năng xem danh sách Người kiểm duyệt. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản Người kiểm duyệt. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản Người kiểm duyệt và các thông tin liên quan.  2. Kết thúc Use-Case |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Vô hiệu hóa tài khoản người kiểm duyệt”

Bảng mô tả Use-Case “Vô hiệu hóa tài khoản moderator”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Vo hieu hoa tai khoan nguoi kiem duyet |
| Mô tả | Cho phép người dùng vô hiệu hoặc tái kích hoạt hóa tài khoản Người kiểm duyệt được chọn. |
| Actor | Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn chức năng vô hiệu hóa tài khoản Người kiểm duyệt. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Người dùng chọn xem danh sách các tài khoản Người kiểm duyệt. |
| Hậu điều kiện | Tài khoản người kiểm duyệt bị vô hiệu hóa / tái kích hoạt |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản Người kiểm duyệt.  2. Người dùng chọn vô hiệu hóa / kích hoạt tài khoản.  3. Hệ thống cập nhật và hiển thị trạng thái mới của tài khoản.  4. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + - * 1. Mô tả Use-Case “Thay đổi mật khẩu tài khoản người kiểm duyệt”

Bảng mô tả Use-Case “Thay đổi mật khẩu moderator”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use-Case | Thay doi mat khau nguoi kiem duyet |
| Mô tả | Cho phép người dùng thay đổi mật khẩu của tài khoản Người kiểm duyệt được chọn. |
| Actor | Quản trị viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng thay đổi mật khẩu tài khoản Người kiểm duyệt. |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống. Người dùng chọn xem danh sách các tài khoản Người kiểm duyệt. |
| Hậu điều kiện | Mật khẩu của tài khoản Người kiểm duyệt được chọn được thay đổi. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản Người kiểm duyệt.  2. Người dùng click chọn thay đổi mật khẩu của một tài khoản Người kiểm duyệt.  3. Người dùng nhập mật khẩu mới cho tài khoản.  4. Người dùng click chọn xác nhận thay đổi mật khẩu.  5. Hệ thống thông báo thành công và mật khẩu được cập nhật lên hệ thống.  6. Kết thúc Use-Case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |